

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều chỉnh cục bộ đồ án Điều chỉnh
Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình,
tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020, tỷ lệ 1/2000

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 05/02/2007 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020, tỷ lệ 1/2000;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo số 393/BC-SXD ngày 28/12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh cục bộ đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020, tỷ lệ 1/2000 với các nội dung như sau:

1. Vị trí địa điểm, phạm vi ranh giới, quy mô diện tích, nội dung điều chỉnh

a) Lô đất số 01 (Khu số 07): Khu đất liền kề nhà văn hóa khu 10 thuộc Công ty than Na Dương quản lý (Đồi thủy nông).

- Vị trí địa điểm: Khu 10, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình.

- Phạm vi ranh giới:

+ Phía Đông Bắc giáp khu dân cư;

+ Phía Đông Nam giáp nhà dân và hồ Nà Cáy;

+ Phía Tây Bắc giáp hồ Nà Cáy;

+ Phía Tây Nam giáp hồ Nà Cáy.

- Quy mô diện tích khu đất: 14.426 m² (bao gồm: phần diện tích điều chỉnh cục bộ là 13.866 m²; phần diện tích 560,0 m² đất giao thông theo quy hoạch giữ nguyên)

- Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh chức năng sử dụng đất khu đất có diện tích 13.866,0 m², gồm: đất mặt nước; đất công cộng; đất lâm nghiệp thành đất ở liền kề lô L7 (phần diện tích 560,0 m² đất giao thông theo quy hoạch được giữ nguyên không điều chỉnh).

b) Lô đất số 02 (Khu số 08): Khu đất giáp đường rẽ vào Nhà văn hóa mỏ than Na Dương (Đổi diện công Công ty than Na Dương).

- Vị trí địa điểm: Khu 4, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Phạm vi ranh giới:

+ Phía Bắc giáp đường vào Khai trường Mỏ Na Dương;

+ Phía Nam giáp nhà dân;

+ Phía Đông giáp nhà dân;

+ Phía Tây Nam giáp đường vào nhà văn hóa Mỏ than Na Dương.

- Quy mô diện tích khu đất: 739,5 m² (gồm diện tích điều chỉnh 423,0 m² và đất quy hoạch đường giao thông 316,5 m² giữ nguyên không điều chỉnh)

- Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất (tầng cao, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất) của một phần diện tích lô đất ở H6 (diện tích điều chỉnh 423m²) thành lô đất ở liền kề L8; phần diện tích thuộc đất quy hoạch đường giao thông giữ nguyên không điều chỉnh.

c) Lô đất số 03 (Khu số 09): Khu đất Nhà văn hóa mỏ than Na Dương.

- Vị trí địa điểm: Khu 4, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình.

- Phạm vi ranh giới:

+ Phía Bắc giáp đường vào Khai trường Mỏ Na Dương;

+ Phía Nam giáp Trạm xăng và đất vườn của dân;

+ Phía Đông giáp đường bê tông;

+ Phía Tây giáp khu dân cư mặt đường quốc lộ 4B.

- Quy mô diện tích khu đất: 2.782,7 m².

- Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh chức năng sử dụng đất một phần diện tích lô đất công trình công cộng lô CC6 (6.800m²) thành đất ở liền kề lô L9 (2.782,7 m²)

d) Lô đất số 04 (Khu số 10): Khu đất dự kiến xây dựng nhà tập thể thuộc công ty nhiệt điện Na Dương quản lý.

- Vị trí địa điểm: Khu 8, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình.

- Phạm vi ranh giới:

+ Phía Bắc giáp khu tập thể Công ty nhiệt điện Na Dương;

+ Phía Nam giáp đường bê tông;

+ Phía Đông giáp đường bê tông;

+ Phía Tây giáp khu tập thể Công ty nhiệt điện Na Dương.

- Quy mô diện tích khu đất: 11.074,7 m².

- Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh chức năng sử dụng đất một phần diện tích đất Lâm nghiệp thành đất ở liền kề lô L10.

e) Lô đất số 05 (Khu số 11): Khu đất Cung thiếu nhi cũ (Trường Mầm non Mỏ Na Dương) tập thể thuộc Công ty nhiệt điện Na Dương quản lý.

- Vị trí địa điểm: Khu 5A, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình.

- Phạm vi ranh giới:

+ Phía Bắc giáp đường bê tông;

+ Phía Nam giáp khu dân cư;

+ Phía Đông giáp đường bê tông và khu dân cư;

+ Phía Tây Nam giáp khu dân cư.

- Quy mô diện tích khu đất: 8.750,8 m² (gồm đất trường học lô MG; đất quy hoạch đường giao thông; đất ở lô E2).

- Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh chức năng sử dụng đất từ lô đất trường học MG thành đất ở liền kề L11 (diện tích 7.056,1 m²), phần diện tích đất quy hoạch đường giao thông và quy hoạch đất ở lô E2 giữ nguyên không điều chỉnh.

f) Lô đất số 06 (Khu số 12): Khu đất Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi.

- Vị trí địa điểm: Khu Na Dương Bản, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Phạm vi ranh giới:

+ Phía Bắc giáp đường Quốc lộ 4B;

+ Phía Nam giáp đất vườn của dân;

+ Phía Đông giáp đất vườn của dân;

+ Phía Tây Nam giáp đất vườn của dân.

- Quy mô diện tích khu đất: 651,5 m².

- Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh chức năng sử dụng đất một phần diện tích khu đất công trình công cộng (quy hoạch bệnh viện thị trấn) thành đất ở liền kề lô L12 (diện tích 651,5 m²).

2. Chỉ tiêu sử dụng đất các lô đất trước và sau điều chỉnh cục bộ

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

- Các nội dung khác thuộc Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 05/02/2007 của UBND tỉnh không thay đổi.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Lộc Bình công bố công khai đồ án quy hoạch theo quy định; tổ chức lập và phê duyệt hồ sơ cắm mốc giới; xác định phạm vi ranh giới khu đất, cắm mốc giới ngoài thực địa; thực hiện các thủ tục liên quan về đất đai theo quy định.

2. Sở Xây dựng, UBND huyện Lộc Bình cập nhật các nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch đã phê duyệt vào các đồ án Quy hoạch đô thị có liên quan.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Giao thông Vận tải; Chủ tịch UBND huyện Lộc Bình, Chủ tịch UBND thị trấn Na Dương và các cá nhân, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh,
các Phòng: TH, KTN, KTTH, TT TH-CB;
- Lưu: VT, KTN (TQV).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lý Vinh Quang

PHỤ LỤC
Điều chỉnh cục bộ đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng
thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020, tỷ lệ 1/2000
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2018 của UBND tỉnh)

TT	Theo Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 05/02/2007 của UBND tỉnh					Sau điều chỉnh cục bộ				
	Tên lô đất	Diện tích (m ²)	Tầng cao tối đa (tầng)	Mật độ xây dựng (%)	Hệ số sử dụng đất (lần)	Tên lô đất	Diện tích (m ²)	Tầng cao (tầng)	Mật độ xây dựng (%)	Hệ số sử dụng đất (lần)
I	CC11	3.000,0		30		CC11	334,0		30	
	Đất lâm nghiệp	9.800,0				L7	13.532,0	1-5	80	2,5
	Đất mặt nước	1.065,0								
	Đất đường giao thông	560,0				Đường GT	560,0			
II	H6	3800,0		35		H6	3.377,0		35	
	Đường giao thông	316,5				L8	423,0	1-5	80	2,5
	Đường GT					316,5				
III	CC6	6800	1-2	60		CC6	4017,3			
						L9	2.782,7	1-5	80	2,5
IV	Đất lâm nghiệp	11.074,7				L10	11.074,7	1-5	80	2,5
V	MG	7.056,1	1-2	20		L11	7.056,1	1-5	80	2,5
	Đường giao thông	1.145,7				Đường GT	1.145,7			
	E2	549,0		40		E2	549,0		40	
V	Đất Công cộng	22.270,0				Đất C.Cộng	21.618,5			
						L12	651,5	1-5	80	2,5

